

TRƯỜNG THPT BÙI HỮU NGHĨA
TỔ SỬ- ĐỊA- GDKT&PL

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP KIỂM TRA GIỮA KỲ I, MÔN GDKT&PL KHỐI 11
NĂM HỌC 2025 – 2026

- **Hình thức kiểm tra:** 70% trắc nghiệm, 30% tự luận
- **Thời gian làm bài:** 45 phút
- **Nội dung kiểm tra:**

CHỦ ĐỀ 1: CẠNH TRANH, CUNG, CẦU TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG
BÀI 2. CUNG - CẦU TRONG KINH TẾ THỊ TRƯỜNG

1. Khái niệm cung và các nhân tố ảnh hưởng đến cung

- Cung là số lượng hàng hoá, dịch vụ mà người bán có khả năng và sẵn sàng bán ở các mức giá khác nhau trong một thời kì nhất định.
- Các nhân tố ảnh hưởng đến cung: Giá của các yếu tố sản xuất đầu vào, công nghệ, chính sách của Nhà nước, dự đoán của người bán về thị trường, số lượng người bán trên thị trường,...

2. Khái niệm cầu và các nhân tố ảnh hưởng đến cầu

- Cầu là số lượng hàng hoá, dịch vụ mà người mua có khả năng và sẵn sàng mua ở các mức giá khác nhau trong một thời kì nhất định.
- Các nhân tố ảnh hưởng đến cầu: Thu nhập của người tiêu dùng, giá của các mặt hàng liên quan, dân số, thị hiếu, dự đoán của người tiêu dùng về thị trường,...

3. Mối quan hệ cung - cầu trong nền kinh tế

- Cung - cầu tác động lẫn nhau: Khi cầu tăng, sản xuất mở rộng, lượng cung tăng; khi cầu giảm, sản xuất thu hẹp, lượng cung giảm.
- Cung - cầu ảnh hưởng đến giá cả: Khi cung lớn hơn cầu, giá cả giảm; khi cung nhỏ hơn cầu, giá cả tăng; khi cung bằng cầu, giá cả ổn định.
- Giá cả ảnh hưởng đến cung - cầu:
 - + Về phía cung, khi giá cả tăng lên trong khi giá cả của các yếu tố sản xuất đầu vào không tăng, các doanh nghiệp mở rộng sản xuất, lượng cung tăng lên và ngược lại.
 - + Về phía cầu, khi giá cả giảm xuống, cầu có xu hướng tăng lên và ngược lại.

4. Vai trò của quan hệ cung - cầu trong nền kinh tế

- Người sản xuất đưa ra quyết định mở rộng hay thu hẹp sản xuất nhằm đem lại hiệu quả kinh tế cao.
- Người tiêu dùng lựa chọn mua hàng hoá phù hợp với nhu cầu và đem lại hiệu quả kinh tế.

BÀI 3. LẠM PHÁT TRONG KINH TẾ THỊ TRƯỜNG

1. Khái niệm lạm phát

Lạm phát là sự tăng lên liên tục mức giá chung của nền kinh tế (thường tính bằng chỉ số giá tiêu dùng CPI) trong một thời gian nhất định, làm giảm giá trị và sức mua của đồng tiền.

2. Các loại hình lạm phát

Dựa vào tỉ lệ lạm phát, có các loại hình lạm phát sau:

+ Lạm phát vừa phải: dưới 10% (lạm phát 1 con số) → Giá trị đồng tiền khá ổn định. Đây là mức lạm phát bình thường, không gây hậu quả đáng kể tới nền kinh tế.

+ Lạm phát phi mã: từ 10% đến dưới 1 000% (lạm phát 2 hay 3 con số) → Đồng tiền mất giá nhanh chóng. Mức lạm phát này gây ảnh hưởng xấu tới hoạt động của nền kinh tế.

+ Siêu lạm phát: từ 1 000% trở lên (lạm phát từ 4 con số trở lên) → Đồng tiền mất giá nghiêm trọng. Mức lạm phát này gây ảnh hưởng trầm trọng đến nền kinh tế.

3. Các nguyên nhân dẫn đến lạm phát

- **Do nhu cầu thị trường tăng:** Nhu cầu tiêu dùng hàng hóa, dịch vụ của thị trường gia tăng một cách nhanh chóng khiến giá cả các mặt hàng bị đẩy lên cao dẫn đến mức giá chung của hàng hóa, dịch vụ tăng lên, làm giảm sức mua của đồng tiền.

- **Do chi phí sản xuất của doanh nghiệp tăng:** Khi giá cả của một hoặc vài yếu tố sản xuất (tiền lương, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu,...) tăng sẽ làm tổng chi phí sản xuất của doanh nghiệp tăng, đẩy giá thành sản phẩm tăng và kéo giá cả của hầu hết hàng hóa, dịch vụ khác tăng theo, làm giảm sức mua của đồng tiền.

- **Do cung lượng tiền lưu thông trong nước tăng:** Khi Ngân hàng Nhà nước mua ngoại tệ, mua công trái, phát hành tiền mới làm lượng cung tiền lưu thông vượt lượng cầu tiền lưu thông, mức giá chung tăng, sức mua của đồng tiền giảm.

4. Hậu quả của lạm phát đối với nền kinh tế và xã hội

- **Đối với nền kinh tế:** Doanh nghiệp thu hẹp quy mô sản xuất - kinh doanh, giảm sản lượng, lãng phí các nguồn lực sản xuất, thất nghiệp gia tăng; giá cả các hàng hóa không ngừng tăng dẫn đến đầu cơ, tích trữ nhiều hàng hóa.

- **Đối với xã hội:** Thu nhập thực tế của người lao động giảm, đời sống khó khăn; phân hoá giàu nghèo trong xã hội tăng lên.

5. Vai trò của Nhà nước trong việc kiểm soát và kiềm chế lạm phát

- Chính sách phát triển sản xuất, kinh doanh: Giúp doanh nghiệp khôi phục sản xuất, tăng sản lượng đáp ứng nhu cầu tăng của thị trường.

- Chính sách tiền tệ chặt chẽ, thận trọng: Bảo đảm mức cung tiền tệ hợp lí, giảm lãi suất hỗ trợ doanh nghiệp giảm chi phí sản xuất.

- Thực hiện chính sách tài khoá thắt chặt: Giảm thuế, cắt giảm đầu tư công, giảm bội chi ngân sách nhà nước để giảm lượng tiền trong lưu thông và giúp doanh nghiệp giảm chi phí sản xuất.

- Tăng cường chính sách an sinh xã hội: Hỗ trợ hộ nghèo, hỗ trợ tiền thuê nhà, mua bảo hiểm cho công nhân, giúp giảm bớt khó khăn trong cuộc sống.

-----o0o-----

BÀI 4. THẤT NGHIỆP TRONG KINH TẾ THỊ TRƯỜNG

1. Khái niệm và các loại hình thất nghiệp

a. Khái niệm

Thất nghiệp là tình trạng người trong độ tuổi lao động, có khả năng lao động, muốn làm việc nhưng không thể tìm được việc làm ở mức lương thịnh hành.

b. Các loại hình thất nghiệp:

- *Căn cứ vào tính chất của thất nghiệp, có các loại sau:*

+ **Thất nghiệp tự nguyện:** xảy ra do người lao động không muốn làm việc do điều kiện làm việc và mức lương chưa phù hợp với họ.

+ **Thất nghiệp không tự nguyện:** xảy ra khi người lao động mong muốn đi làm nhưng chưa tìm được việc làm.

- *Căn cứ vào nguồn gốc thất nghiệp, có các loại sau:*

+ **Thất nghiệp tạm thời:** là tình trạng thất nghiệp xuất hiện khi người lao động thay đổi công việc hoặc chỗ ở,... chưa xin được việc làm mới nên tạm thời thất nghiệp.

+ **Thất nghiệp cơ cấu:** Thất nghiệp gắn liền với sự biến động cơ cấu kinh tế và sự thay đổi của công nghệ dẫn tới yêu cầu lao động có trình độ cao hơn, lao động không đáp ứng được yêu cầu sẽ bị đào thải.

+ **Thất nghiệp chu kì:** Thất nghiệp tương ứng với từng giai đoạn trong chu kì kinh tế: Thất nghiệp ở mức cao khi nền kinh tế suy thoái, thất nghiệp ở mức thấp khi kinh tế phát triển, mở rộng.

2. Các nguyên nhân dẫn đến thất nghiệp

- **Do sự vận động của nền kinh tế (Khách quan):**

+ Nền kinh tế đình trệ, suy thoái, sức mua xã hội giảm, doanh nghiệp giảm sản lượng, thu hẹp sản xuất, tinh giản lao động

+ Cơ cấu nền kinh tế chuyển hướng hiện đại, người lao động không đáp ứng được yêu cầu công việc mới.

- **Do bản thân người lao động (chủ quan):**

+ Yếu ngoại ngữ, thiếu chuyên môn - nghiệp vụ cùng các kĩ năng hỗ trợ công việc theo nhu cầu thị trường, vi phạm kỉ luật trong lao động;

+ Muốn có việc làm với mức lương cao hơn mức lương hiện hành.

3. Hậu quả của thất nghiệp đối với nền kinh tế và xã hội

- **Hậu quả đối với nền kinh tế:**

+ Giảm tiêu dùng, thu hẹp sản xuất gây lãng phí nguồn lực sản xuất, tốc độ tăng trưởng kinh tế giảm.

+ Sản lượng sụt giảm, ngân sách thất thu thuế; ảnh hưởng khả năng hỗ trợ phát triển kinh tế của Nhà nước.

- **Hậu quả đối với xã hội:**

+ Người lao động giảm thu nhập, cuộc sống khó khăn, đời sống tinh thần bị ảnh hưởng.

+ Tăng chi ngân sách giải quyết trợ cấp thất nghiệp ảnh hưởng đầu tư phát triển xã hội; tệ nạn xã hội, hiện tượng bãi công, biểu tình,... tăng lên.

4. Vai trò của Nhà nước trong việc kiểm soát và kiểm chế thất nghiệp

Nhà nước giữ vai trò kiểm soát và kiểm chế thất nghiệp qua các chính sách như: Chính sách hỗ trợ, phát triển kinh tế, tạo việc làm; chính sách an sinh xã hội; chính sách giải quyết việc làm.

BÀI 5. THỊ TRƯỜNG LAO ĐỘNG, VIỆC LÀM

1. Khái niệm lao động và thị trường lao động

- **Lao động:** là hoạt động có mục đích, có ý thức của con người nhằm tạo ra hàng hoá và dịch vụ phục vụ cho nhu cầu đời sống.

- **Thị trường lao động:** là nơi diễn ra sự thỏa thuận, xác lập quan hệ lao động về việc thuê mướn, sử dụng lao động, trả lương giữa người lao động với người sử dụng lao động, các tổ chức đại diện của các bên, cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Khái niệm việc làm và thị trường việc làm

- **Việc làm:** là hoạt động lao động tạo ra thu nhập mà pháp luật không cấm.

- **Thị trường việc làm:** là nơi diễn ra sự thỏa thuận, xác lập hợp đồng làm việc giữa người lao động và người sử dụng lao động về việc làm, tiền lương và điều kiện làm việc.

3. Mối quan hệ giữa thị trường lao động và thị trường việc làm

Giữa thị trường lao động và thị trường việc làm có mối quan hệ với nhau, tác động lẫn nhau.

+ Thị trường lao động tăng thúc đẩy thị trường việc làm tăng.

+ Thị trường việc làm tăng thúc đẩy thị trường lao động tăng.

4. Xu hướng tuyển dụng lao động của thị trường

- Theo hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế các ngành nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ hiện đại.

- Chú trọng lao động chất lượng cao.

- Gia tăng số lượng lao động trên các nền tảng công nghệ.

- Chuyển dịch nghề nghiệp gắn với kỹ năng mềm.

* **Học sinh cần:** hoàn thiện bản thân, tìm hiểu, lựa chọn được nghề nghiệp, việc làm phù hợp với năng lực và khả năng của mình, nắm được xu hướng phát triển của thị trường lao động, rèn luyện những kỹ năng cần thiết để sẵn sàng tham gia thị trường lao động, việc làm.

-----o0o-----

Tổ phó chuyên môn



Lê Thị Hằng